

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000691

Trang : 1/2

Môn học: **Trang bị điện (228256) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/04/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-27**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **29**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Văn Lê Thiên Hải</i>	<i>Nguyễn Văn Phước Dung</i>	<i>TR Lê Huy</i>	<i>Hau Nguyễn T. Hoàng</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050122	NGUYỄN CHÍ AN	15/11/2004	CCQ2205D		1	<i>An</i>	8.5	7.0	7.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122050070	THIÊN ĐẠI ANH	11/08/2004	CCQ2205C		1	<i>Anh</i>	6.0	5.8	5.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
3	2122050117	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	16/12/2004	CCQ2205D		1	<i>Chuông</i>	6.8	4.5	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122050082	ĐOÀN ĐÔNG CƠ	16/06/2004	CCQ2205C		1	<i>Cơ</i>	5.3	0.5	2.4	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122050104	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	03/07/2003	CCQ2205D				1.5			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122050096	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	26/09/2003	CCQ2205C		1	<i>Đạt</i>	7.5	5.5	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122050087	LÊ VIỆT ĐÔNG	17/02/2004	CCQ2205C		1	<i>Đông</i>	8.5	8.5	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122050080	TRƯƠNG VĂN HÀO	27/04/2002	CCQ2205C		1	<i>Hào</i>	5.3	2.8	3.8	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122050077	NGUYỄN CÔNG HƯNG	12/12/2004	CCQ2205C		1	<i>Hưng</i>	6.3	9.5	8.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122050086	TRẦN ĐĂNG KHOA	01/01/2004	CCQ2205C		1	<i>Khoa</i>	7.8	6.3	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
11	2122050102	NGUYỄN TẤN KHÔI	01/02/2004	CCQ2205C		1	<i>Khôi</i>	8.5	6.5	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122050092	TRẦN HIẾU KỲ	07/12/2004	CCQ2205C		1	<i>Kỳ</i>	6.0	0	2.4	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122050100	HUỲNH NGỌC BẢO LÂM	13/09/2004	CCQ2205C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122050013	TRẦN GIA LÂM	26/08/2004	CCQ2205D		1	<i>Lâm</i>	9.5	9.3	9.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122050071	NGUYỄN CÔNG LẬP	02/09/2004	CCQ2205C		1	<i>Lập</i>	7.3	4.0	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122050088	HUỲNH NGỌC LONG	05/03/2004	CCQ2205C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122050094	NGUYỄN VĂN MINH	02/10/2004	CCQ2205C		1	<i>Minh</i>	7.5	1.0	3.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122050099	TRƯƠNG CÔNG NGHĨA	14/04/2004	CCQ2205C		1	<i>Nghĩa</i>	8.8	3.0	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122050075	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	12/10/2003	CCQ2205C		1	<i>Ngọc</i>	8.3	4.5	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122050106	DƯƠNG THÀNH NGUYỄN	16/02/2004	CCQ2205D		1	<i>Nguyễn</i>	8.5	7.8	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000691

Trang : 2/2

Môn học: **Trang bị điện (228256) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/04/2023**

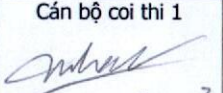
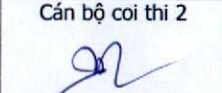
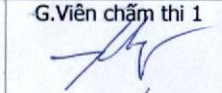
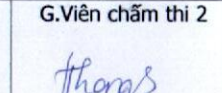
Giờ: **07:30**

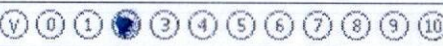
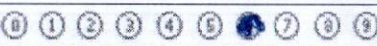
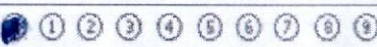
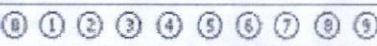
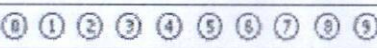
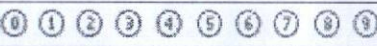
Phòng thi: **D5-27**

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Lê Xuân Hòa	 Nguyễn Công Phượng Dung	 Tô Lê Hoàng	 Thomas Nguyễn Hữu

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122050076	LƯƠNG VĂN NHÂN	20/02/2004	CCQ2205C		1		6.5	0	26		
22	2122050097	NGUYỄN MINH KHÁNH NHẬT	26/09/2003	CCQ2205C		1		5.0	0	20		
23	2122050089	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	10/05/2004	CCQ2205C				1.0				
24	2122050113	THẠCH BẢO QUỐC	03/06/2004	CCQ2205D				5.0				
25	2122050090	TRẦN VĂN QUYÊN	02/10/2004	CCQ2205C		1	Quyên	6.5	1.5	3.5		
26	2122050101	NGUYỄN VĂN SÁNG	27/11/2003	CCQ2205C								
27	2122050107	LÊ THANH THÁI	24/07/2002	CCQ2205D		1		9.5	4.0	6.2		
28	2122050124	VÕ ĐỨC THỊNH	12/12/2004	CCQ2205D		1		6.0	0.3	26		
29	2122050081	TRƯƠNG LÊ NGỌC TIỀN	06/11/2003	CCQ2205C		2		7.5	9.3	86		
30	2122050078	LÊ MINH TRÍ	07/12/2004	CCQ2205C		1		9.0	1.0	4.4		
31	2122050074	NGUYỄN HỮU TRỌNG	29/06/2003	CCQ2205C		1		7.0	5.3	6.0		
32	2122050085	NGUYỄN THÀNH TRUNG	22/11/2004	CCQ2205C		1		7.5	5.8	6.5		
33	2122050111	VÕ THANH TRUNG	20/06/2004	CCQ2205D				6.3	2.8	4.2		
34	2122050072	THIỆN SANH TRƯỜNG	17/09/2004	CCQ2205C								
35	2122050095	NGUYỄN TRUNG TỬ	24/02/2004	CCQ2205C								
36	2122050105	NGUYỄN QUỐC VIỆT	11/03/2004	CCQ2205D		1		8.3	1.0	3.9		
37	2122050123	NGUYỄN VĂN VIN	01/04/2003	CCQ2205D				5.5				

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000692

Trang : 1/2

Môn học: **Trang bị điện (228256) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **12/04/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **33**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>NVN Tuyen</i>	<i>Nguyễn Thị Đào</i>	<i>TR Lê H.</i>	<i>Ng Thị Hạnh</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122050149	NGUYỄN VĂN BẢO	24/10/2004	CCQ2205D		1	<i>Bảo</i>	7.3	9.5	8.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122050151	LÊ QUÍ CẦU	11/10/2004	CCQ2205C		1	<i>Cau</i>	8.5	6.5	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122050142	DƯƠNG VĂN DŨNG	15/12/2001	CCQ2205C		1	<i>Dung</i>	8.0	5.3	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122050128	NGUYỄN XUÂN DƯƠNG	01/01/2004	CCQ2205D		2	<i>Duong</i>	8.5	9.0	8.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122060052	ĐẶNG MINH ĐẠI	12/04/2004	CCQ2205D							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122050131	NGUYỄN VIỆT ĐÔNG	24/03/2004	CCQ2205D		1		8.5			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122050127	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	13/03/2004	CCQ2205D		1	<i>Duc</i>	8.5	8.5	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122180005	ĐOÀN TẤT GIÁP	01/08/2004	CCQ2205C		1	<i>Giep</i>	7.8	3.3	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122050144	HÀ TRẦN NGỌC GIẢNG	19/01/2004	CCQ2205D							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122140064	NGUYỄN HUY HOÀNG	23/02/2001	CCQ2205D		1	<i>Hoang</i>	8.0	5.0	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122050139	VÕ VĂN HÙNG	23/01/2004	CCQ2205C		1	<i>Hung</i>	7.0	2.3	4.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122050129	TỔNG QUANG HUY	09/06/2002	CCQ2205D		1	<i>Huy</i>	5.0	0	2.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122170390	NGUYỄN TRẦN ĐỨC HY	25/07/2004	CCQ2205D		1	<i>Hy</i>	6.5	2.3	4.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122050140	PHẠM ĐÌNH KHA	20/01/2004	CCQ2205C		1	<i>Kha</i>	5.3	1.5	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122050083	NGUYỄN DUY KHÁNH	30/11/2004	CCQ2205C		1	<i>Khanh</i>	6.5	7.5	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122050133	ĐỖ VĂN NGỌC LƯU	20/01/2004	CCQ2205D		1	<i>Luu</i>	6.0	3.3	4.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122170394	LÊ VĂN LƯU	26/07/2004	CCQ2205D		1	<i>Luu</i>	7.5	3.3	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122220028	TRẦN HUỖNH MÃNH	19/08/2004	CCQ2205D		1	<i>Manh</i>	6.8	9.0	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122170387	VÕ XUÂN MINH	05/08/2004	CCQ2205D		1	<i>Minh</i>	8.3	3.3	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121050063	ĐỖ DUY NGỌC	14/11/2003	CCQ2105B		1	<i>Ngoc</i>	5.0	3.0	3.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000692

Trang : 2/2

Môn học: **Trang bị điện (228256) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **12/04/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-29**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **38**

Số tờ giấy thi: **38**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Quang</i> Nguyễn Tuấn	<i>Thị</i> Nguyễn Thị Đào	<i>Thị</i> Trần Thị Ngọc	<i>Haue</i> Nguyễn Thị Hoàng

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122140060	MAI QUỐC NHẬT	02/02/2004	CCQ2205C		1	<i>Quốc</i>	6.0	2.3	3.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122200018	ĐẶNG THANH PHÚC	20/08/2002	CCQ2205D		1	<i>Phúc</i>	5.0	7.3	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122050148	NGUYỄN MINH PHÚC	14/07/2004	CCQ2205C		1	<i>Phúc</i>	7.3	1.8	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122170126	NGUYỄN THÁI SƠN	07/12/2004	CCQ2205D							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122050130	DƯƠNG MINH TÂN	22/12/2004	CCQ2205D		1	<i>Tân</i>	6.5	0	2.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122180045	TRƯƠNG LƯƠNG NGUYỄN THÀNH	13/11/2004	CCQ2205D		1	<i>Thành</i>	7.8	8.8	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122170536	ĐÀO HUỖNH XUÂN	21/08/2004	CCQ2205D		1	<i>Thiên</i>	5.3	0.5	2.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122050147	HUỖNH VĂN THUẬN	26/05/2003	CCQ2205C		1	<i>Thuận</i>	7.0	2.0	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2118060036	NGUYỄN VĂN TIẾN	03/10/1999	CCQ1806A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122170537	PHAN TRẦN PHƯỚC	29/08/2004	CCQ2205D		1	<i>Phước</i>	5.0	0.5	2.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122170522	CHÂU VĂN TOÀN	11/02/2004	CCQ2205D		1	<i>Toàn</i>	8.5	6.5	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122060061	TRIỆU MINH TOÀN	30/10/2004	CCQ2205D		1	<i>Toàn</i>	7.5	3.8	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122050126	LÊ THÀNH TRUNG	29/10/2004	CCQ2205D		1	<i>Trung</i>	6.8	6.0	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122170521	KIỀU MINH TƯỚNG	27/04/2004	CCQ2205D		1	<i>Tướng</i>	5.5	1.5	3.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121050017	LÊ HỒNG VIỆT	27/09/2003	CCQ2105A		1	<i>Việt</i>	7.8	9.0	8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122050103	TRẦN ANH VŨ	08/05/2004	CCQ2205D		1	<i>Vũ</i>	8.5	2.8	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121050024	HỒ THANH XUÂN	25/01/2003	CCQ2105A		1	<i>Xuân</i>	7.5	4.3	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9